

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN B  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/ KDTM-ST**

Ngày: 27/6/2020.

(V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
Tín dụng*).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Trung

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Bà Đỗ Thị Hằng Huệ

2/ Bà Trần Phan Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 26/2020/TLST-KDTM ngày 25/02/2020 về việc : Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2020/QĐXXST-KDTM ngày 04/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐ-HPT ngày 15/6/2020 giữa:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng N;**

Trụ sở: số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Do Bà Nguyễn Thị Hoàng A làm đại diện theo giấy ủy quyền số 902/UQ-NHNo.LB-TH ngày 25/6/2020 của ông Lê Thanh H – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh L ký theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N. (Bà Nguyễn Thị Hoàng A có mặt).

**2. Bị đơn: Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H;**

Trụ sở: số 198 phố H, quận H, thành phố H.

Do ông Nguyễn T làm đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 000753/2020 ngày 22/5/2020 lập tại Văn phòng công chứng N. (Ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936;**

Cùng trú tại: số 13 phố H, phường H, quận H, thành phố H;

Do ông Nguyễn T làm đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 000755/2020 ngày 22/5/2020 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn D. (Ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

**Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963;**

Cùng trú tại: số 12 ngõ 459 phố Đ, phường V, quận B, thành phố H.

Do ông Nguyễn T làm đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 000754/2020 ngày 22/5/2020 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn D. (Ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng N do Bà Nguyễn Thị Hoàng A làm đại diện có ý kiến: Đề nghị Tòa án nhân dân quận B, thành phố H: Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H phải thanh toán ngay toàn bộ tiền nợ gốc, lãi vay và lãi quá hạn phát sinh theo các hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng N (tính đến thời điểm 27/6/2020) là: dư nợ gốc là 3.744.702.500 đồng, lãi trong hạn là 7.732.352.541 đồng, lãi quá hạn là 4.798.508.041 đồng; **tổng cộng là 16.275.563.082 đồng**;

Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H không thực hiện thanh toán các khoản nợ và lãi phát sinh nêu trên, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau để bảo đảm thi hành án:

Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 287258; MS: 10125293001, số GCN: Q03301.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho bà Phan Kim T. Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL375547, MS:10125293005, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:Q 03297.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký sang tên cho Ông Nguyễn Thanh L và Bà Đỗ Thị H ngày 19/9/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25, Phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI287249, MS 10125293010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: Q 03292.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm (sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc bán/ xử lý tài sản) sẽ được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên cho vay. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ thì Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

*Căn cứ lý do chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ngân hàng N - Chi nhánh L (Sau đây gọi tắt là “**Bên cho vay**”) là đơn vị trực thuộc Ngân hàng N thực hiện các nghiệp vụ nhận tiền gửi, cho vay và cung cấp các dịch vụ Ngân hàng theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100686174-024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 14/10/2004, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 18/12/2015.

Ngày 20 tháng 02 năm 2008 Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 với Công ty cổ phần DV TM công nghiệp H (Sau đây gọi tắt là “**Bên vay**”) để cho vay số tiền 9.737.000.000 đ (Chín tỷ bảy trăm ba bảy triệu đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn vay là Kinh doanh thép Trung Quốc. Theo đó ngày 18/4/2008 Bên vay nhận tiền vay số tiền 9.250.150.000 đ (Chín tỷ hai trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn cho vay 09 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/1/2009. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20. Đến ngày 27/6/2020, Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ngày 20/02/2008 còn dư nợ gốc là 2.809.002.500 đ, lãi trong hạn là 5.618.865.662, lãi quá hạn là 3.260.955.778 đ, **Tổng cộng là 11.688.823.940 đ.**

Ngày 3 tháng 01 năm 2008 Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 với “**Bên vay**” để cho vay số tiền **11.389.700.000 đ** (Mười một tỷ ba trăm tám chín nghìn bảy trăm đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn vay là Kinh doanh thép Trung Quốc. Theo đó ngày 4/3/2008 Bên vay nhận tiền vay số tiền 11.045.000.000 đ (Mười một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Thời hạn cho vay 09 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 3/12/2008. Lãi suất cho vay là 13,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20. Đến ngày 27/6/2020 Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ngày 3/1/2008 còn dư nợ gốc là 935.700.000 đ, lãi trong hạn là 2.113.486.879 đ, lãi quá hạn là 1.537.552.263 đ, **tổng cộng là 4.586.739.142 đ.**

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác của Bên vay đối với Bên cho vay theo 02 Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV200800760 và 1220 LAV200800543. Bên thế chấp tài sản đảm bảo tiền vay có ký kết các Hợp đồng thế chấp tài sản với Bên cho vay cụ thể như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho người thứ ba vay vốn số công chứng 007832/2010, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 26/10/2010 do Văn phòng Công chứng H chứng nhận. Theo đó, Bên thế chấp là Ông Nguyễn Thanh L CMND số 010416896 do CA thành phố H cấp ngày 24/12/2002. Hộ khẩu thường trú tại 309 (số mới: 12, ngõ 459) phố Đ, Phường V, Quận B, Thành phố H là người đại diện cho bà Phan Kim T và chồng là Ông Hoàng Đức H trong việc lập và ký Hợp đồng này theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 006803/2010, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐUQ do Công chứng viên Văn phòng công chứng H, thành phố H công chứng ngày 27/08/2010 đồng ý sử dụng tài sản là Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 287258; MS: 10125293001, số GCN: Q03301.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho bà Phan Kim T. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là: 4.120.000.000 đ (Bốn tỷ một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) để đảm bảo cho khoản vay với số tiền vay cao nhất là 3.090.000.000 đ (Ba tỷ không trăm chín mươi triệu đồng chẵn) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H tại Bên Cho vay. Tài sản thế chấp sau đó đã được đăng ký thế chấp theo quy định Pháp luật vào ngày 17/11/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 003282/2009, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 29/11/2009 do Văn phòng Công chứng H chứng nhận. Theo đó, Bên thế chấp là Ông Nguyễn Thanh L CMND số 010416896 do CA thành phố H cấp ngày 24/12/2002 và Vợ là Bà Đỗ Thị L, CMND số 010475889 do CA thành phố H cấp ngày 30/03/2007. Cả hai vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú tại 309 (số mới: 12, ngõ 459) phố Đ, Phường V, Quận B, Thành phố H đồng ý sử dụng tài sản:

+ Tài sản thế chấp thứ nhất là: Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL375547, MS:10125293005, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 03297.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký sang tên cho Ông Nguyễn Thanh L và Bà Đỗ Thị L ngày 19/9/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

+ Tài sản thế chấp thứ hai là: Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25, Phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI287249, MS 10125293010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: Q 03292.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007.

Tổng giá trị tài sản bảo đảm là: 9.692.000.000 đ (Chín tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn) để đảm bảo cho khoản vay với số tiền vay cao nhất là 7.269.000.000 đ (Bảy tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu đồng chẵn) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H tại Bên Cho vay. Tài sản thế chấp sau đó đã được đăng ký thế chấp theo quy định Pháp luật vào ngày 30/11/2019 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Sau khi vay vốn, Bên vay vốn đã không thực hiện trả nợ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1220LAV200800543 ngày 03/01/2008 và Hợp đồng tín dụng số 1220LAV200800760 ngày 20/02/2008. Bên cho vay đã có các thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn và Biên bản làm việc đôn đốc trả nợ nhưng Bên vay chưa thực hiện trả nợ.

*Trong biên làm việc tại Tòa án và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H do ông Nguyễn T làm đại diện có ý kiến:*

Công nhận vào ngày 20 tháng 02 năm 2008 Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 với Công ty cổ phần DV TM công nghiệp H (Sau đây gọi tắt là **“Bên vay”**) để cho vay số tiền **9.737.000.000 đ** (Chín tỷ bảy trăm ba bảy triệu đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn vay là Kinh doanh thép Trung Quốc. Theo đó ngày 18/4/2008 Bên vay nhận tiền vay số tiền 9.250.150.000 đ (Chín tỷ hai trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn cho vay 09 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/1/2009. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên; Đến ngày 27/6/2020, Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ngày 20/02/2008 còn dư nợ gốc là 2.809.002.500 đ, lãi trong hạn là 5.618.865.662, lãi quá hạn là 3.260.955.778 đ, **Tổng cộng là 11.688.823.940 đ.**

Công nhận vào ngày 3 tháng 01 năm 2008 Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 với **“Bên vay”** để cho vay số tiền **11.389.700.000 đ** (Mười một tỷ ba trăm tám chín nghìn bảy trăm đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn vay là Kinh doanh thép Trung Quốc. Theo đó ngày 4/3/2008 Bên vay nhận tiền vay số tiền 11.045.000.000 đ (Mười một tỷ không trăm bốn lăm triệu đồng). Thời hạn cho vay 09 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 3/12/2008. Lãi suất cho vay là 13,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên; Đến ngày 27/6/2020 Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ngày 3/1/2008 còn dư nợ gốc là 935.700.000 đ, lãi trong hạn là 2.113.486.879 đ, lãi quá hạn là 1.537.552.263 đ, **tổng cộng là 4.586.739.142 đ.**

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn làm ăn thua lỗ nhiều năm; Đến nay đã mất khả năng thanh toán nợ; Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936 do ông Nguyễn T làm đại diện có ý kiến: Công nhận vào ngày 26/10/2010, Tại Văn phòng công chứng H; Bên Thế chấp là Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng N – Chi nhánh L có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho người thứ ba vay vốn số công chứng: 007832/2010, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐTHC với nội dung: Bên Thế chấp là Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936 cam kết dùng tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 287258; MS: 10125293001, số GCN: Q03301.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho bà Phan Kim T để đảm bảo cho khoản vay của Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H tại Ngân hàng N – Chi nhánh L;

Công nhận vào ngày 26/10/2010 có ký đơn yêu cầu đăng ký thế chấp gửi Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H;

Từ ngày 26/10/2010 cho đến nay: Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H không thay đổi; Gia đình vẫn quản lý sử dụng và không xây dựng thêm gì.

2. Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 do ông Nguyễn T làm đại diện có ý kiến: Công nhận vào ngày 29/11/2009, Tại Văn phòng công chứng H; Bên Thế chấp là Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng N – Chi nhánh L có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho người thứ ba vay vốn số công chứng: 003282/2009, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐTHC với nội dung: Bên Thế chấp là Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 cam kết dùng tài sản thế chấp sau đền đảm bảo cho khoản vay của Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H tại Ngân hàng N – Chi nhánh L gồm các tài sản:

Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL375547, MS:10125293005, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 03297.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký sang tên cho Ông Nguyễn Thanh L và Bà Đỗ Thị H ngày 19/9/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25, Phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI287249, MS 10125293010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: Q 03292.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007;

Công nhận vào ngày 29/11/2009; Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 có ký 02 yêu cầu đăng ký thế chấp gửi Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H đối với 02 mảnh đất nêu trên;

Từ ngày 29/11/2009 cho đến nay : Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 phường Đ, Quận H, thành phố H và Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25, Phường Đ, Quận H, thành phố H không thay đổi; Gia đình vẫn quản lý sử dụng và không xây dựng thêm gì.

Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố H có quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện vụ án Kinh doanh thương mại của Ngân hàng N đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H về hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp Kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân quận B, thành phố H thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005 vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên;

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008: Ngân hàng N – Chi nhánh L đã giải ngân cho số tiền 11.045.000.000 đồng cho Công ty cổ phần DV TM công nghiệp H vào ngày 04/3/2008;

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760: Ngân hàng N – Chi nhánh L đã giải ngân số tiền 9.250.150.000 đồng cho Công ty cổ phần DV TM công nghiệp H vào ngày 18/4/2008;

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008; Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H đã không thanh toán được hết nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng là vi phạm điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 và Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H thanh toán trả cho Ngân hàng N số tiền **16.275.563.082 đồng** (Trong đó nợ gốc là 3.744.702.500 đồng, lãi trong hạn là 7.732.352.541 đồng, lãi quá hạn là 4.798.508.041 đồng số liệu tính đến ngày 27/6/2020) theo Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV

200800760 ký ngày 20/02/2008 và Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005 vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên;

Do đó yêu cầu của nguyên đơn được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp sau có cơ sở được chấp nhận:

Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 287258; MS: 10125293001, số GCN: Q03301.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho bà Phan Kim T.

Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL375547, MS:10125293005, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 03297.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký sang tên cho Ông Nguyễn Thanh L và Bà Đỗ Thị L ngày 19/9/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25, phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI287249, MS 10125293010, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: Q 03292.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007.

Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về Tố tụng:**

##### **Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện vụ án Kinh doanh thương mại của Ngân hàng N đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H về hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp Kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân quận B, thành phố H thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

##### **[1.2]. Việc tham gia tố tụng của các đương sự: Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Bị đơn là Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H do ông Nguyễn T làm đại diện; Ngày 04/6/2020, ông Nguyễn T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt ông Nguyễn T; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H do ông Nguyễn T làm đại diện;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1. Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936 do ông Nguyễn T làm đại diện; 2. Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 do ông Nguyễn T làm đại diện; Ngày 04/6/2020, ông Nguyễn T là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt ông Nguyễn T; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt gười có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1. Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936 do ông Nguyễn T làm đại diện; 2. Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 do ông Nguyễn T làm đại diện;

##### **[2]. Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N: Đề nghị Tòa án nhân dân quận B, thành phố H: Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H phải thanh toán ngay toàn bộ tiền nợ gốc, lãi vay và lãi quá hạn phát sinh theo các hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng N

nghiệp và Phát triển N là: dư nợ gốc là 3.744.702.500 đồng, lãi trong hạn là 7.732.352.541 đồng, lãi quá hạn là 4.798.508.041 đồng; **tổng cộng là 16.275.563.082 đồng** (Tính đến thời điểm 27/6/2020);

### **[2.1]. Về quá trình ký kết hợp đồng:**

+ Ngày 20 tháng 02 năm 2008 Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 với Công ty cổ phần DV TM công nghiệp H (Sau đây gọi tắt là **“Bên vay”**) để cho vay số tiền 9.737.000.000 đ (Chín tỷ bảy trăm ba bảy triệu đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn vay là Kinh doanh thép Trung Quốc. Theo đó ngày 18/4/2008 Bên vay nhận tiền vay số tiền 9.250.150.000 đ (Chín tỷ hai trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn cho vay 09 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/1/2009. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

+ Ngày 3 tháng 01 năm 2008 Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 với **“Bên vay”** để cho vay số tiền **11.389.700.000 đ** (Mười một tỷ ba trăm tám chín nghìn bảy trăm đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn vay là Kinh doanh thép Trung Quốc. Theo đó ngày 4/3/2008 Bên vay nhận tiền vay số tiền 11.045.000.000 đ (Mười một tỷ không trăm bốn trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay 09 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 3/12/2008. Lãi suất cho vay là 13,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20.

*Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005 vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.*

### **[2.2]. Về quá trình thực hiện hợp đồng:**

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760: Ngân hàng N– Chi nhánh L đã giải ngân cho số tiền 9.250.150.000 đồng cho Công ty cổ phần DV TM công nghiệp H vào ngày 18/4/2008;

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008: Ngân hàng N– Chi nhánh L đã giải ngân cho số tiền 11.045.000.000 đồng cho Công ty cổ phần DV TM công nghiệp H vào ngày 04/3/2008;

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008; Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H đã không thanh toán được hết nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng là vi phạm điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008; Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 và Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H thanh toán trả cho Ngân hàng N số tiền gồm: Nợ gốc là 3.744.702.500 đồng, lãi trong hạn là 7.732.352.541 đồng, lãi quá hạn là 4.798.508.041 đồng; **tổng cộng là 16.275.563.082 đồng** (Tính đến thời điểm 27/6/2020) theo Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008 và Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

**[2.3].** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là của Ngân hàng N đề nghị: Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H không thực hiện thanh toán các khoản nợ và lãi phát sinh nêu trên, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau để bảo đảm thi hành án:

Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 287258; MS: 10125293001, số GCN: Q03301.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho bà Phan Kim T. Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 phường Đ, Quận H, thành phố

H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL375547, MS:10125293005, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 03297.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký sang tên cho Ông Nguyễn Thanh L và Bà Đỗ Thị H ngày 19/9/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25, Phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI287249, MS 10125293010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: Q 03292.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm (sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc bán/ xử lý tài sản) sẽ được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên cho vay. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ thì Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

**Hội đồng xét xử thấy rằng:**

Vào ngày 26/10/2010, Tại Văn phòng công chứng H; Bên Thế chấp là Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng N– Chi nhánh L có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho người thứ ba vay vốn số công chứng: 007832/2010, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐTHC với nội dung: Bên Thế chấp là Bà Phan Kim T sinh năm 1950 và ông Hoàng Đức H sinh năm 1936 cam kết dùng tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 287258; MS: 10125293001, số GCN: Q03301.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho bà Phan Kim T để đảm bảo cho khoản vay của Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H tại Ngân hàng N – Chi nhánh L;

Vào ngày 26/10/2010 có ký đơn yêu cầu đăng ký thế chấp gửi Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H;

Vào ngày 29/11/2009, Tại Văn phòng công chứng H; Bên Thế chấp là Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng N– Chi nhánh L có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho người thứ ba vay vốn số công chứng: 003282/2009, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐTHC với nội dung: Bên Thế chấp là Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 cam kết dùng tài sản thế chấp sau để đảm bảo cho khoản vay của Công Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H tại Ngân hàng N– Chi nhánh L gồm các tài sản:

Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL375547, MS:10125293005, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 03297.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký sang tên cho Ông Nguyễn Thanh L và Bà Đỗ Thị H ngày 19/9/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25, Phường Đ, Quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI287249, MS 10125293010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: Q 03292.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007;

Vào ngày 29/11/2009; Ông Nguyễn Thanh L sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị L sinh năm 1963 có ký 02 yêu cầu đăng ký thế chấp gửi Văn phòng đăng ký đất và nhà quận H đối với 02 mảnh đất nêu trên;

*Các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba: số công chứng: 007832/2010, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐTHC ký ngày 26/10/2010, Tại Văn phòng công chứng H; số công chứng: 003282/2009, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 29/11/2009, Tại*



*Văn phòng công chứng H phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005 vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên;*  
Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 184; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 401; Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ; khoản 1 Mục II danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H về Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008 và Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008.

2. Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H thanh toán cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008 và Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 là **16.275.563.082 đồng** bao gồm dư nợ gốc là 3.744.702.500 đồng, lãi trong hạn là 7.732.352.541 đồng, lãi quá hạn là 4.798.508.041 đồng (Số liệu tính đến ngày 27/6/2020);

3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800760 ký ngày 20/02/2008 và Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 200800543 ký ngày 03/01/2008 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 28/6/2020 cho đến khi thi hành án xong;

4. Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H không thực hiện thanh toán các khoản nợ và lãi phát sinh nêu trên, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án (Hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật) tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau để bảo đảm thi hành án:

Quyền sử dụng thửa đất số 37(15), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 287258; MS: 10125293001, số GCN: Q03301.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007 cho bà Phan Kim T. Quyền sử dụng thửa đất số 37 (18), tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL375547, MS:10125293005, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:Q 03297.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký sang tên cho Ông Nguyễn Thanh L và Bà Đỗ Thị L ngày 19/9/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà Quận H, Thành phố H.

Quyền sử dụng thửa đất số 37(6), tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ: Tổ 25 Phường Đ, Quận H, Thành

phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI287249, MS 10125293010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: Q 03292.2769/QĐ-UB do UBND Quận H, thành phố H cấp ngày 31/12/2007.

**5.** Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Cơ quan Thi Hành án dân sự có thẩm quyền hoặc tổ chức bán đấu giá có chức năng bán đấu giá trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng N có quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân quận H và Văn phòng đăng ký nhà đất thành phố H – Chi nhánh H để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Cơ quan Thi Hành án dân sự có thẩm quyền hoặc tổ chức bán đấu giá có chức năng bán đấu giá được thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm (sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc bán/ xử lý tài sản) sẽ được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên cho vay. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ thì Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

*Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**5. Về án phí:** Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công nghiệp H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 124.276.000 đồng (Một trăm hai mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng chẵn) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0024268 ngày 24/02/2020 Của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn; Vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục thi hành án dân sự quận B;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Đình Trung**

